



STAY HUNGRY FOR SUCCESS

08.01.2026

MARKET INSIGHTS REPORT

NGÂN HÀNG LÀ ĐIỂM ĐẾN CỦA DÒNG TIỀN TRONG NGẮN HẠN

NỘI DUNG CHÍNH

03 Chuyển động thị trường

05 TTCK Việt Nam – góc nhìn giao dịch thị trường

06 Phân tích kỹ thuật
Thị trường cân bằng và phân hóa cao

07 Hỗ trợ và kháng cự cổ phiếu trong ngày

07 Cổ phiếu có khối lượng giao dịch đột biến

08 Danh mục khuyến nghị mua bán của Smart Invest

08 Tin tức kinh tế vĩ mô

09 Biểu đồ trong ngày

10 TTCK Mỹ
Dự báo các chỉ số chính sẽ tăng hoặc giảm nhẹ vào phiên tối nay

CHUYỂN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

THỊ TRƯỜNG TRONG NGÀY



ĐỘ RỘNG THỊ TRƯỜNG

HOSE

Tổng số cổ phiếu giao dịch	380
Số cổ phiếu không có giao dịch	0
Số cổ phiếu tăng giá	144
Số cổ phiếu giảm giá	183
Số cổ phiếu giữ nguyên giá	53

HNX

Tổng số cổ phiếu giao dịch	219
Số cổ phiếu không có giao dịch	0
Số cổ phiếu tăng giá	80
Số cổ phiếu giảm giá	72
Số cổ phiếu giữ nguyên giá	67

UPCOM

Tổng số cổ phiếu giao dịch	380
Số cổ phiếu không có giao dịch	0
Số cổ phiếu tăng giá	175
Số cổ phiếu giảm giá	115
Số cổ phiếu giữ nguyên giá	90

GIAO DỊCH NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI

HOSE

	Mua	Bán	Mua-Bán
Khối lượng	136,415.76	95,891.82	40,523.94
% KL toàn thị trường	10.81%	7.60%	
Giá trị	5,239,932	4,718,959	520,972
% GT toàn thị trường	13.07%	11.77%	

HNX

	Mua	Bán	Mua-Bán
Khối lượng	6,867.32	3,387.99	3,479.33
% KL toàn thị trường	10.81%	7.60%	
Giá trị	181,152	96,539	84,613
% GT toàn thị trường	7.71%	4.11%	

UPCOM

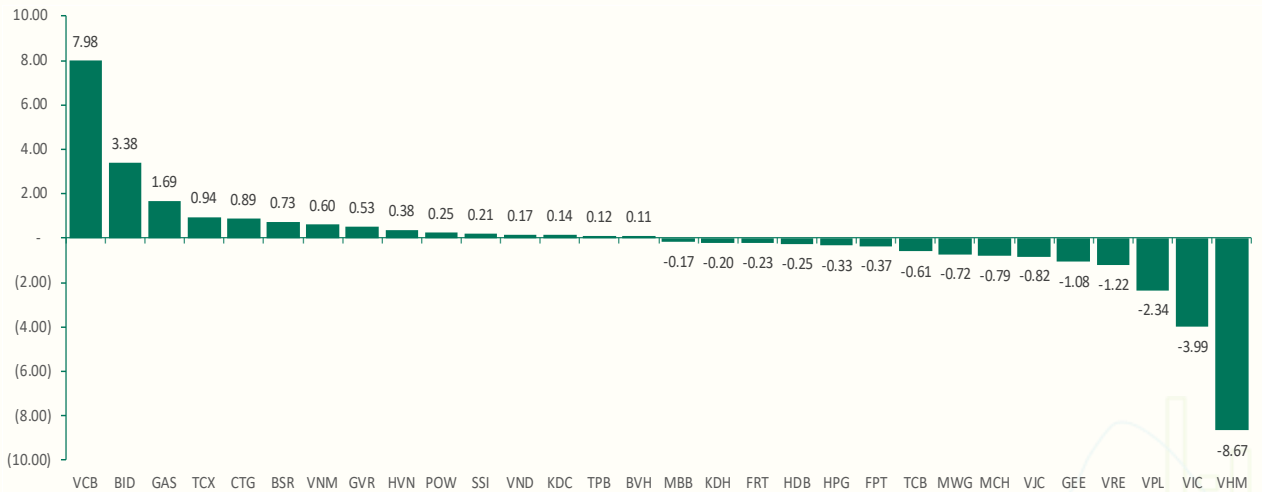
	Mua	Bán	Mua-Bán
Khối lượng	383.53	984.75	(601.22)
% KL toàn thị trường	0.64%	1.65%	
Giá trị	11,043	49,224	(38,181)
% GT toàn thị trường	1.28%	5.73%	

CHUYỂN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

TOP 10 VỐN HÓA

STT	Mã CK	KL	Giá	Thay đổi	P/E	P/B	EPS	Vốn hóa
1	VIC	6,593,700	176,600	-2,400 (-1.34%)	75.63	4.23	2,335	1,365,735
2	VHM	15,234,400	139,100	-10,400 (-6.96%)	22.22	2.43	6,259	571,341
3	VCB	27,104,600	63,700	4,100 (6.88%)	12.72	2.39	5,008	532,257
4	BID	27,506,700	43,050	2,100 (5.13%)	11.07	1.80	3,890	302,270
5	TCB	21,044,200	36,000	-400 (-1.1%)	11.56	1.42	3,113	255,105
6	VPB	29,952,600	29,250	0 (0%)	11.24	1.45	2,603	232,067
7	MCH	494,300	216,500	-3,500 (-1.59%)	27.51	13.72	7,870	228,777
8	GAS	6,171,100	91,600	3,100 (3.5%)	17.74	3.33	5,163	221,026
9	MBB	47,534,900	26,600	-100 (-0.37%)	6.57	1.61	4,051	214,263
10	CTG	31,939,500	38,200	750 (2%)	6.15	1.21	6,207	205,134

TỔP CÁC CỔ PHIẾU ẢNH HƯỞNG TỚI VN-INDEX



TĂNG GIẢM CHỈ SỐ NGÀNH

Ngành	% vốn hóa	% Index (D)	% Index (YTD)	Số mã
Tất cả	100%	-0.02%	+4.25%	1,587
▼ Tài chính	32.20%	+1.74%	+3.93%	106
➤ Tổ chức tín dụng	25.66%	+1.88%	+4.50%	26
➤ Dịch vụ tài chính	5.56%	+1.38%	+0.85%	65
➤ Bảo hiểm	0.97%	-0.08%	+0.44%	13
➤ Bất động sản	26.06%	-2.71%	+5.13%	132
▼ Công nghiệp	10.08%	+0.75%	+1.97%	397
➤ Vận tải	6.29%	+1.90%	+4.98%	117
➤ Hàng hóa công nghiệp	3.43%	-1.28%	-3.11%	226
➤ Dịch vụ thương mại và chuyên nghiệp	0.37%	-0.03%	+0.31%	54
▼ Tiêu dùng thiết yếu	8.04%	-0.15%	-0.29%	168
➤ Thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	7.90%	-0.13%	-0.31%	155
➤ Thương mại hàng thiết yếu	0.10%	-0.69%	+0.20%	9
➤ Sản phẩm chăm sóc cá nhân và gia đình	0.04%	-1.00%	+3.21%	4
➤ Nguyên vật liệu	6.15%	+0.49%	+4.58%	261
➤ Tiện ích	5.08%	+1.65%	+11.15%	152
▼ Tiêu dùng không thiết yếu	4.78%	-3.29%	+0.23%	183
➤ Thương mại hàng không thiết yếu	2.43%	-1.92%	+0.23%	63
➤ Dịch vụ tiêu dùng	1.57%	-5.05%	-0.11%	36
➤ Thời trang và hàng lâu bền	0.41%	+0.22%	+1.83%	71
➤ Xe và linh kiện	0.07%	-0.25%	+0.58%	13
▼ Dịch vụ truyền thông	3.02%	+2.40%	+10.87%	41
➤ Dịch vụ viễn thông	2.85%	+2.45%	+11.42%	18
➤ Truyền thông và giải trí	0.17%	+1.58%	-1.00%	23
➤ Năng lượng	2.12%	+2.17%	+13.41%	53
▼ Công nghệ thông tin	1.76%	-0.85%	+0.55%	16
➤ Phần mềm và dịch vụ	1.73%	-0.91%	+0.73%	9
➤ Phần cứng và thiết bị	0.03%	+2.30%	-7.22%	7
▼ Chăm sóc sức khỏe	0.70%	+0.20%	-0.88%	58
➤ Dược phẩm, công nghệ sinh học và khoa học sự sống	0.64%	+0.28%	-0.81%	47
➤ Thiết bị và dịch vụ chăm sóc sức khỏe	0.06%	0%	-1.48%	11

Ngân hàng là điểm đến của dòng tiền trong ngắn hạn

Góc nhìn giao dịch thị trường

Chỉ số VN-Index đóng cửa giảm 6.02 điểm (- 0.32%) trong ngày hôm nay. Hôm nay có vài điểm đáng lưu ý như sau:

(1) Dịch vụ viễn thông, năng lượng, vận tải, tổ chức tín dụng, tiện ích, truyền thông giải trí, dịch vụ tài chính, nguyên vật liệu... là nhóm tăng giá nhiều nhất trong ngày.

Đà tăng được dẫn dắt bởi các cổ như VGI, CTR, BSR, PLX, PVS, PVD, ACV, HVN, GMD, VSC, PHP, VCB, BID, CTG, SHB, TPB, GAS, POW, VNZ, YEG, TCX, SSI, VPX, VND, HCM, SHS, GVR, KSV, DCM, DPM, DDV, HT1... Các điểm cần lưu ý ở những nhóm ngành này:

(i) CTR tăng giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nến giao dịch là: "White Opening Marubozu";
- ✓ Giá tăng khối lượng tăng – Tín hiệu tăng giá có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ Dải băng trên mở ra và giá bám biên dải băng – Tín hiệu tích cực;
- ✓ Giá vượt lên trên MA(200) – Chu kỳ giảm giá dài hạn đang đi tới điểm kết thúc;
- ✓ Chúng tôi cho rằng CTR đã kết thúc 5 sóng giảm và hình thành sóng tăng giá;
- ✓ Xác suất tăng giá ngày mai là 55%;

(ii) PLX tăng giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nến giao dịch là: "Black Opening Marubozu";
- ✓ Giá tăng khối lượng giảm – Tín hiệu tăng giá không có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ PLX đang vào vùng quá mua – Khả năng xuất hiện nhịp chỉnh là tương đối cao;
- ✓ Hỗ trợ khi điều chỉnh quanh vùng giá 39;
- ✓ Xác suất giảm giá ngày mai là 54%;

(iii) PVD tăng giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nến giao dịch là: "Small White Candle";
- ✓ Giá tăng khối lượng tăng – Tín hiệu tăng giá có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ Dải băng trên mở ra và giá bám biên dải băng – Tín hiệu tích cực;
- ✓ Cổ phiếu đang trong sóng 5 tăng giá với mục tiêu 32 – 38;
- ✓ Trong 3 năm tới, bình quân mỗi năm ngành dầu khí sẽ đầu tư khoảng 8,5 tỷ đô/năm. Chúng tôi kỳ vọng các doanh nghiệp như PVS, PVD, PVB... có thể quay trở lại đà tăng trưởng nhờ các khoản CAPEX mới trong ngành và các mỏ dầu mới vừa phát hiện của Việt Nam;
- ✓ Xác suất tăng giá ngày mai là 54%;

(iv) MBB tăng giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nến giao dịch là: "Small Black Candle";

- ✓ Giá tăng khối lượng giảm – Tín hiệu tăng giá không có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ Dải băng trên mở ra và giá bám biên dải băng – Tín hiệu tích cực;
- ✓ Khối lượng giao dịch có xu hướng tăng mạnh trong vài phiên gần đây cho thấy dòng tiền đang quay trở lại;
- ✓ MBB đang trong sóng 5 tăng giá với mục tiêu 27 -32;
- ✓ Hỗ trợ khi điều chỉnh quanh vùng giá 25;
- ✓ Xác suất giảm giá ngày mai là 59%;

(v) SSI tăng giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nến giao dịch là: "White Opening Marubozu";
- ✓ Giá tăng khối lượng tăng – Tín hiệu tăng giá có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ SSI vận động theo mô hình Bullish Falling Wedge – Tín hiệu tích cực;
- ✓ Kháng cự hiện tại là vùng giá 32 – Một Break out sẽ xác nhận cổ phiếu quay trở lại xu hướng tăng giá trung hạn;
- ✓ Xác suất tăng giá ngày mai là 55%;

(2) Bất động sản, thương mại hàng không thiết yếu, hàng hóa công nghiệp, phần mềm dịch vụ... là nhóm giảm giá nhiều nhất trong ngày.

Đà giảm được dẫn dắt bởi các cổ như VIC, VHM, VRE, KDH, MWG, GEE, GEX, VGC, DPG, SAM, FCN, FPT ... Các điểm cần lưu ý ở những nhóm ngành này:

(i) VHM giảm giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nến giao dịch là: "Black Closing Marubozu";
- ✓ Giá giảm khối lượng tăng – Tín hiệu giảm giá có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ Cổ phiếu đang trong vùng giá mục tiêu sóng 5 và có thể tạo nguy cơ điều chỉnh – Do vậy, đây là giai đoạn chốt lời hơn là mở mua mới;
- ✓ Phân kỳ âm giữa giá và RSI(14) cảnh báo tín hiệu đảo chiều của cổ phiếu;
- ✓ Xác suất giảm giá ngày mai là 55%;

(ii) VRE giảm giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nến giao dịch là: "Black Closing Marubozu";
- ✓ Giá giảm khối lượng giảm – Tín hiệu giảm giá không có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ VRE đang ở sóng 4 đối kháng giảm giá với vùng hỗ trợ quanh 32 – 35;
- ✓ Xác suất giảm giá ngày mai là 55%;

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT: Điểm số phụ thuộc vào mã vốn hóa lớn

VN-Index dưới góc nhìn kỹ thuật

VN-Index đóng cửa giao dịch tạo thành mẫu hình giao dịch “Long Black Candle”. Khối lượng giao dịch tăng và vượt mức trung bình 20 ngày. Theo lý thuyết, thì giá giảm khối lượng giao dịch tăng là mô hình giảm giá có sự hỗ trợ của khối lượng – Tín hiệu tiêu cực.

Các điểm cần lưu ý:

(i) NĐT nước ngoài mua ròng hơn 500 tỷ đồng (Tính cả 3 sàn). Tốp mua ròng khớp lệnh của nước ngoài gồm các mã: VIC, SHB, TCX, VCB, HPG, MBB, BSR, VIX, VPB... Tốp bán ròng khớp lệnh của nước ngoài gồm các mã: MCH, VHM, ACB, DXG, BCM, FRT, STB, ACV, E1VFN30...Hôm nay, cá nhân nước ngoài, tự doanh và tổ chức nước ngoài là nhóm mua ròng còn cá nhân trong nước, tổ chức trong nước là nhóm bán ròng.

(ii) VN-Index giảm điểm nhẹ trong phiên do sự điều chỉnh của nhóm cổ phiếu họ VINCOM dù nhóm ngân hàng vẫn tiếp tục có một phiên giao dịch tốt. Trong bối cảnh hiện tại, dự đoán điểm số luôn là một góc nhìn khó bởi giờ nhóm vốn hóa lớn đã có sự lệch pha khá lớn. Mức độ tăng giảm của nhóm này cũng rất cao với việc dễ tăng trần hoặc giảm sàn như trường hợp của VIC, VHM, VPL, VRE hay VCB...Chúng tôi cho rằng việc xem xét độ rộng và giao dịch theo mã có lẽ sẽ là phương pháp cần chú ý hơn (Lựa chọn cổ phiếu theo kiểu Bottom Up) quan trọng hơn nhìn chỉ số. Như đã chia sẻ, chúng ta cần sự duy trì của xu hướng này và đảm bảo mức sinh lợi T+5 với hiệu suất 10 – 20% để tiếp tục kích thích dòng tiền quay trở lại TTCK Việt Nam. Việc khối lượng giao dịch tăng lên cũng cho thấy xu hướng quay trở lại của dòng tiền.

Các cổ phiếu có lệnh mua/bán lớn: HPG, VPB, TPB, MBB, BSR, BID, CTG, MSB, HNG...

Các cổ phiếu mua tích lũy: TNG...

Theo phương pháp phân tích “Price Action” với VN30 chúng ta có 12 mã cho tín hiệu mua, 11 mã cho tín hiệu bán, 07 mã cho tín hiệu đi ngang. Các mã PLX, VCB, BID, BVH, CTG, TPB, GAS...cho tín hiệu tích cực.

Theo thống kê định lượng, với mẫu hình hôm nay thì phiên giao dịch tiếp theo, VN-Index có xác suất giảm điểm là 51% và 50% giá đóng cửa thấp hơn giá mở cửa. Dựa trên thống kê, chỉ số giao dịch sẽ giảm điểm với giá đóng cửa không rõ cao hay thấp hơn giá mở cửa vào phiên giao dịch ngày thứ 6. Hỗ trợ và kháng cự là 1,750- 1,900 điểm.

Biểu đồ chỉ số VN-Index



Biểu đồ cổ phiếu VPB



HỖ TRỢ VÀ KHÁNG CỰ CỔ PHIẾU TRONG NGÀY

Ticker	Pivot	BC	TC	NarrowRange	R1	R2	R3	R4	S1	S2	S3	S4
HNX30	542.43	542.99	541.86	NO	546.34	551.39	555.3	560.35	537.38	533.47	528.42	524.51
HNINDEX	249.02	248.99	249.06	YES	251.07	253.03	255.08	257.04	247.06	245.01	243.05	241
UPINDEX	121.58	121.57	121.58	YES	121.95	122.32	122.69	123.06	121.21	120.84	120.47	120.1
VN30	2087.29	2093.92	2080.66	NO	2107.87	2141.71	2162.29	2196.13	2053.45	2032.87	1999.03	1978.45
VNINDEX	1864.67	1869.22	1860.11	NO	1879.22	1902.89	1917.44	1941.11	1841	1826.45	1802.78	1788.23
VNXALL	3049.82	3057.84	3041.8	NO	3076.83	3119.89	3146.9	3189.96	3006.76	2979.75	2936.69	2909.68
VN30FIM	2085.37	2091.05	2079.68	NO	2098.33	2122.67	2135.63	2159.97	2061.03	2048.07	2023.73	2010.77
VN30FIQ	2083.6	2087.95	2079.25	NO	2096.3	2117.7	2130.4	2151.8	2062.2	2049.5	2028.1	2015.4
VN30F2M	2084.37	2090.05	2078.68	NO	2096.73	2120.47	2132.83	2156.57	2060.63	2048.27	2024.53	2012.17
VN30F2Q	2081.97	2087.2	2076.73	NO	2092.53	2113.57	2124.13	2145.17	2060.93	2050.37	2029.33	2018.77
BCM	69.3	69.85	68.75	NO	70.6	73	74.3	76.7	66.9	65.6	63.2	61.9
BID	42.58	42.35	42.82	NO	44.27	45.48	47.17	48.38	41.37	39.68	38.47	36.78
ACB	24.7	24.77	24.62	NO	24.9	25.25	25.45	25.8	24.35	24.15	23.8	23.6
BVH	67.4	68	66.8	NO	68.8	71.4	72.8	75.4	64.8	63.4	60.8	59.4
CTG	38.27	38.3	38.23	YES	39.43	40.67	41.83	43.07	37.03	35.87	34.63	33.47
GAS	92.07	92.3	91.83	NO	94.13	96.67	98.73	101.27	89.53	87.47	84.93	82.87
FPT	97.03	97.3	96.77	NO	97.57	98.63	99.17	100.23	95.97	95.43	94.37	93.83
GVR	30.18	30.25	30.12	NO	30.77	31.48	32.07	32.78	29.47	28.88	28.17	27.58
HDB	28.83	28.85	28.82	YES	29.17	29.53	29.87	30.23	28.47	28.13	27.77	27.43
HPG	26.53	26.6	26.47	NO	26.67	26.93	27.07	27.33	26.27	26.13	25.87	25.73
LPB	41.9	41.85	41.95	NO	42.4	42.8	43.3	43.7	41.5	41	40.6	40.1
MBB	26.75	26.83	26.67	NO	27	27.4	27.65	28.05	26.35	26.1	25.7	25.45
MSN	78.33	78.35	78.32	YES	78.97	79.63	80.27	80.93	77.67	77.03	76.37	75.73
MWG	87.83	88	87.67	NO	89.47	91.43	93.07	95.03	85.87	84.23	82.27	80.63
PLX	41.83	42	41.67	NO	43.67	45.83	47.67	49.83	39.67	37.83	35.67	33.83
SAB	48.67	48.85	48.48	NO	49.03	49.77	50.13	50.87	47.93	47.57	46.83	46.47
SHB	16.68	16.72	16.64	NO	16.97	17.33	17.62	17.98	16.32	16.03	15.67	15.38
SSB	17.37	17.35	17.38	YES	17.53	17.67	17.83	17.97	17.23	17.07	16.93	16.77
SSI	30.68	30.75	30.62	NO	31.17	31.78	32.27	32.88	30.07	29.58	28.97	28.48
TCB	36.05	36.08	36.02	YES	36.6	37.2	37.75	38.35	35.45	34.9	34.3	33.75
STB	53.93	54.15	53.72	NO	54.77	56.03	56.87	58.13	52.67	51.83	50.57	49.73
TPB	17.7	17.72	17.67	NO	18.1	18.55	18.95	19.4	17.25	16.85	16.4	16
VCB	62.37	61.7	63.03	NO	65.03	66.37	69.03	70.37	61.03	58.37	57.03	54.37
VHM	143.03	145	141.07	NO	146.97	154.83	158.77	166.63	135.17	131.23	123.37	119.43
VIB	18.03	18.05	18.02	YES	18.17	18.33	18.47	18.63	17.87	17.73	17.57	17.43
VJC	204.57	205.35	203.78	NO	209.63	216.27	221.33	227.97	197.93	192.87	186.23	181.17
VIC	181.07	183.3	178.83	NO	185.53	194.47	198.93	207.87	172.13	167.67	158.73	154.27
VPB	29.33	29.38	29.29	NO	29.67	30.08	30.42	30.83	28.92	28.58	28.17	27.83
VNM	62.23	62.25	62.22	YES	63.37	64.53	65.67	66.83	61.07	59.93	58.77	57.63
VRE	36.77	37.2	36.33	NO	37.63	39.37	40.23	41.97	35.03	34.17	32.43	31.57

- Resistance và Support: Là các hỗ trợ và kháng cự trong ngày của cổ phiếu. Nhà đầu tư khi mua bán thì cần theo các vùng giá hỗ trợ hay kháng cự.
- Pivot: Là nơi xác nhận xu hướng đảo chiều của cổ phiếu.

CỔ PHIẾU CÓ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH ĐỘT BIẾN

Ticker	Volume	AvgVolume 10 Days	Change %	Daily Returns %
BSR	44,567,300	13,226,440	337	3.62
SSI	43,204,100	21,298,780	203	1.5
POW	41,937,800	10,701,730	392	2.94
CTG	31,939,500	11,498,660	277.77	2
TPB	28,555,100	9,439,850	303	1.15
BID	27,506,700	4,109,510	669	5.13
VCB	27,104,600	4,312,180	628.56	6.88
ACB	24,925,700	9,186,500	271	-0.41
PVD	17,076,400	8,519,560	200	1.33
PVS	16,619,700	7,728,190	215.05	3.33
MSB	14,636,400	6,200,030	236	0.4
PVT	13,036,900	4,275,820	305	1.22
PLX	12,736,300	5,125,990	248	0.12
VIB	12,735,300	5,769,570	221	-0.28
GVR	10,234,200	2,833,720	361.16	2.04
TCX	8,817,600	1,911,880	461	3.69
KDH	8,390,100	3,473,080	242	-2.71
DPM	7,920,400	2,934,170	270	0.21
PVC	6,960,100	1,763,900	395	2.42
OCB	6,548,000	1,539,270	425.4	-0.42
KBC	6,488,400	3,076,720	211	-0.56
OIL	6,368,500	2,587,310	246	-0.83
DCM	5,787,700	1,502,540	385	1.91
VNM	5,636,400	2,813,340	200	2.13
ACV	4,227,100	1,326,350	318.7	3.32
NLG	4,108,700	1,810,910	227	1.14
NT2	3,909,500	956,550	409	-0.2
HDV	3,598,600	1,404,380	256	2.12
DDV	3,507,000	743,230	472	3.08
BVH	3,021,300	762,190	396	1.07
VGI	2,216,900	561,940	395	0.64
BCM	2,157,500	437,020	494	0
VGT	2,124,000	514,920	412	0
BSI	1,815,500	428,770	423	3.39
AGR	1,508,400	651,760	231	2.54
E1VFN30	1,446,900	501,550	288	-0.14
PAN	1,358,200	621,120	219	-1.1
VOS	1,330,800	574,020	232	1.19
CTR	1,106,300	327,790	338	0.67
HSV	1,051,800	235,640	446	0

- Lưu ý: BSR, SSI...có khối lượng giao dịch đột biến lớn

DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ MUA BÁN CỦA SMART INVEST

Ngày khuyến nghị	Mã CK	Khuyến nghị hành động	Giá mua/bán	Hiệu suất sinh lời	Ghi chú
7-Jan	VCB	Mua	≤ 60.5	10% -20%	Kết thúc xu hướng điều chỉnh hoặc đi ngang - Cổ phiếu ở vùng đầu tư trung hạn
7-Jan	GVR	Mua	≤ 30	10% -20%	Nên mua khi cổ phiếu có tín hiệu trùng xuống trong phiên

Các lưu ý cần chú ý:

- Hôm nay chúng tôi **KHÔNG MỞ MUA CỔ PHIẾU MỚI**;

Tin tức kinh tế, vĩ mô

- Thị trường ngoại tệ:** Phiên 07/01, NHNN niêm yết tỷ giá trung tâm ở mức 25.122 VND/USD, không thay đổi so với phiên trước đó. Tỷ giá mua giao ngay được niêm yết ở mức 23.916 VND/USD, cao hơn 50 đồng so với tỷ giá sàn. Tỷ giá bán giao ngay được niêm yết ở mức 26.328 VND/USD, thấp hơn 50 đồng so với tỷ giá trần. Trên thị trường LNH, tỷ giá chốt phiên với mức 26.272 VND/USD, giảm 07 đồng so với phiên 06/01. Tỷ giá trên thị trường tự do giảm mạnh 110 đồng ở chiều mua vào và 120 đồng ở chiều bán ra, giao dịch tại 26.840 VND/USD và 26.880 VND/USD.
- Thị trường tiền tệ LNH:** Ngày 07/01, lãi suất chào bình quân LNH VND tiếp tục giảm mạnh 0,45 – 1,25 đpt ở tất cả các kỳ hạn từ 1M trở xuống so với phiên trước đó, giao dịch tại: ON 4,70%; 1W 5,20%; 2W 5,80% và 1M 6,50%. Lãi suất chào bình quân LNH USD giữ nguyên ở tất cả các kỳ hạn; giao dịch tại: ON 3,67%; 1W 3,74%; 2W 3,77%, 1M 3,83%. Lợi suất TPCP trên thị trường thứ cấp tăng mạnh ở tất cả các kỳ hạn, chốt phiên với mức: 3Y 3,07%; 5Y 3,33%; 7Y 3,53%; 10Y 4,09%; 15Y 4,17%.
- Nghiệp vụ thị trường mở:** Trên kênh cầm cố, phiên 07/01, NHNN chào thầu 1.000 tỷ đồng ở mỗi kỳ hạn 7 ngày, 14 ngày, 28 ngày và 91 ngày, lãi suất đều ở mức 4,5%. Tổng cộng có 3.000 tỷ đồng trúng thầu, trong đó không có khối lượng trúng thầu ở kỳ hạn 7 ngày, 1.000 tỷ đồng ở mỗi kỳ hạn 14 ngày, 28 ngày và 91 ngày. Có 38.150,26 tỷ đồng đáo hạn. NHNN không chào thầu tín phiếu NHNN. Như vậy, hôm qua, NHNN hút ròng 35.150,26 tỷ đồng từ thị trường. Có 356.826,68 tỷ đồng lưu hành trên kênh cầm cố.
- Thị trường trái phiếu:** Phiên 07/01, KBNN đấu thầu thành công 1.140 tỷ đồng/12.500 tỷ đồng TPCP gọi thầu, tương đương tỷ lệ trúng thầu đạt 9,1%. Trong đó, duy nhất kỳ hạn 10Y có khối lượng trúng thầu với mức lãi suất trúng thầu là 4,0%, không đổi so với phiên đấu thầu trước. Kỳ hạn 5Y, 15Y và 30Y gọi thầu lần lượt 1.000 tỷ đồng, 1.000 tỷ đồng và 500 tỷ đồng, tuy nhiên, không có khối lượng trúng thầu ở cả 3 kỳ hạn. đáo hạn. NHNN không chào thầu tín phiếu NHNN. Như vậy, hôm qua, NHNN hút ròng 9.805,89 tỷ đồng từ thị trường. Có 391.976,94 tỷ đồng lưu hành trên kênh cầm cố.

Cách thức chốt lời và dừng lỗ

- Các mã trong danh mục chúng tôi khuyến nghị khi đạt hiệu suất sinh lời kỳ vọng nhà đầu tư có thể chốt lời hoặc đặt Trailing Stop (Các lệnh duy trì mức lãi mong muốn để đảm bảo tỷ lãi khi thị trường đảo chiều sau khi đã có lãi đạt kỳ vọng và để tài khoản nuôi lãi chạy).

Nguyên tắc dừng lỗ. Nhà đầu tư có thể lựa chọn các nguyên tắc dừng lỗ sau tùy theo quan điểm lựa chọn:

- Đặt mức dừng lỗ bằng ½ mức lợi nhuận trung bình mà mình kiếm được hàng năm;
- Đặt mức dừng lỗ theo điểm "Uncle": Ngưỡng mà bản thân không thể chịu đựng được;
- Đặt mức dừng lỗ 10% ;

BIỂU ĐỒ TRONG NGÀY

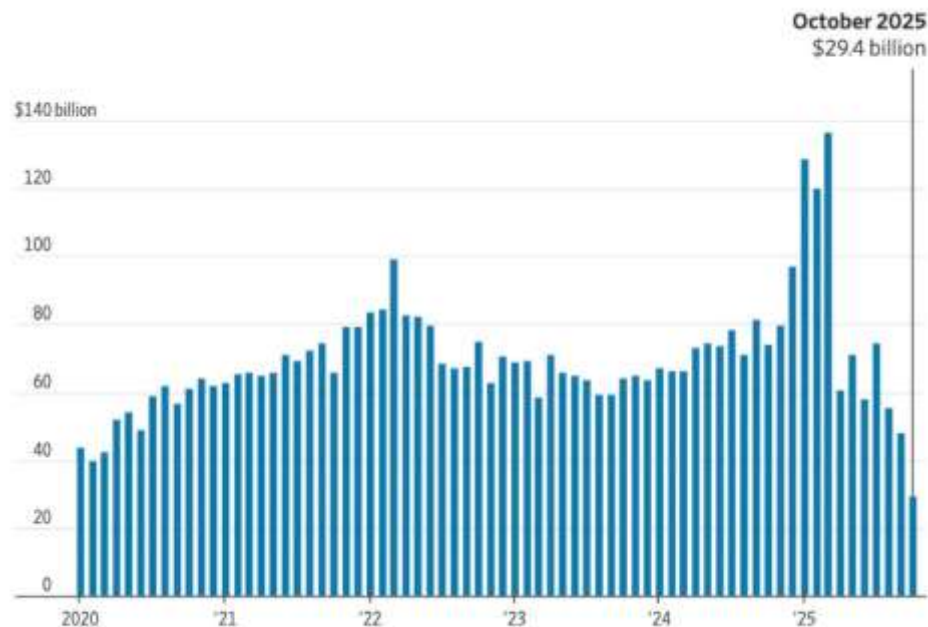
Các tổ chức ngân hàng lớn dự báo S&P 500 trong năm 2026 ?

Wall Street's predictions for the S&P 500

Bank	Year-end 2026 target
Oppenheimer Asset Management	8,100
Deutsche Bank	8,000
Morgan Stanley	7,800
Wells Fargo	7,800
RBC Capital Markets	7,750
Citigroup	7,700
UBS Global Wealth Management	7,700
Goldman Sachs	7,600
HSBC	7,500
JPMorgan Chase	7,500
Barclays	7,400
Bank of America	7,100

Thâm hụt thương mại Mỹ theo tháng xuống thấp nhất từ năm 2020

U.S. trade deficit, goods and services, monthly



Note: Seasonally adjusted
Source: Census Bureau

TTCK MỸ

Dòng tiền tập trung vào mã vốn hóa vừa và nhỏ

NFLX sẽ về MA(200) ?



OXY đang quay trở lại xu hướng tăng khi tạo đáy vòng ?



AAPL đang tìm điểm hỗ trợ của mình – Sẽ đứng vững ?



Vốn hóa vừa và nhỏ tiếp tục bứt phá ?



Kết luận: Dự báo các chỉ số chính sẽ tăng điểm vào phiên giao dịch tối nay.



(*)Bản quyền: Bản tin này được bảo vệ bản quyền Công ty Cổ phần Chứng Khoán Smart Invest bởi luật pháp Việt Nam và các luật lệ, công ước khác. Mọi hình thức sao chép, tái bản, sử dụng trên các phương tiện truyền thông đối với Bản tin này cần được sự đồng thuận của Công ty cổ phần chứng khoán Smart Invest.

Tuyên bố miễn trách nhiệm: Những dữ liệu trong Bản tin này được dựa trên và dẫn xuất từ những nguồn thông tin đại chúng và được cho là đáng tin cậy; tuy nhiên chúng tôi không bảo đảm và cam kết về tính chính xác và thích hợp của các thông tin đó đối với mọi đối tượng người dùng. Dữ liệu trong Bản tin có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản tin được viết cho mục đích cung cấp thông tin, không bao gồm bất cứ một khuyến nghị mua bán nào hướng tới mọi loại công cụ tài chính và cam kết trong bất kỳ chiến lược giao dịch nào. Công ty cổ phần chứng khoán Smart Invest miễn trách đối với mọi hình thức hiểu và sử dụng Bản tin.

CTCP Chứng khoán Smart Invest (AAS)

 <https://www.aas.com.vn>
 1900 1811
 trungtamcskh@aas.com.vn



TRẢI NGHIỆM NGAY

